

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HC-PT

Ngày 09 - 3 - 2023

*V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thiện

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Phú

Ông Nguyễn Hữu Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2023/TLPT-HC ngày 30 tháng 01 năm 2023 về khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXPT-HC ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Văn V, sinh năm 196; (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại V1, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam

- Người bị kiện:

+ Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ.

+ Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh V2. Chức vụ: Trưởng phòng (vắng mặt; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của người khởi kiện tại phiên tòa:

Nguyên thửa đất số 1004, tờ bản đồ số 14 đã có trước thời Pháp thuộc, do cha mẹ ông V sử dụng để trồng cây lâu năm. Sau giải phóng năm 1975 thì ông V về quê sinh sống và làm ăn, ông V tiếp tục sử dụng thửa đất này để làm nhà ở và trồng cây lâu năm. Đến năm 1978, Nhà nước có chủ trương mở rộng đường giao thông nông thôn, nên ông V tự hiến đất để con đường đi ngang qua, do đó vườn của ông V được chia làm hai mảnh, một mảnh nằm ở phía Bắc con đường (nay là thửa 102, tờ bản đồ số 14), mảnh còn lại nằm ở phía Nam con đường (nay là thửa 1004, tờ bản đồ số 14). Phần diện tích đất phía Bắc đã có nhà ở từ trước giải phóng, thửa đất này ông V đã làm hồ sơ và được UBND huyện Đ (nay là thị xã) cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ Lê Văn

V và Lê Thị P ngày 25/11/2003.

Đối với thửa đất nằm ở phía Nam thì ông V sử dụng trồng cây, đến khoảng năm 2009 thì có làm nhà ở khoảng 6-7 năm thì chuyển về nhà cũ sống (phía Bắc con đường). Ngôi nhà này ông V sử dụng để thờ ông bà. Quá trình sử dụng đất ông V không có đăng ký, kê khai theo Chỉ thị 299 và Nghị định 64/CP, không nộp thuế đối với thửa đất số 1004, tờ bản đồ số 14, diện tích 100m².

Thửa đất 1004, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 102, tờ bản đồ số 14 trước đây là một thửa và cả hai thửa đất này đều được tiếp quản sử dụng từ trước năm 1975 đến nay không ai tranh chấp. Đến năm 2016 ông V có làm hồ sơ xin cấp Giấy CNQSDĐ nhưng không được, đến năm 2018 thì ông V tiếp tục làm hồ sơ xin cấp Giấy CNQSDĐ nhưng UBND xã Đ không làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho ông V. Đến năm 2021, ông V có đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Phòng T ban hành Công văn số 117/TNMT ngày 17/3/2022 với nội dung “việc ông Lê Văn V đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở giải quyết”.

Ngày 24/3/2022, ông V khiếu nại Công văn số 117/TNMT ngày 17/3/2022 của Phòng T. Đến ngày 30/5/2022, Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường ban hành Quyết định số 07/QĐ-TNMT với nội dung “không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Lê Văn V, trú tại thôn G, xã Đ. Đồng thời, giữ nguyên nội dung Công văn số 117/TNMT ngày 17/3/2022 của phòng T về việc trả lời đơn ông Lê Văn V, trú tại thôn G, xã Đ”.

Ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 07/QĐ-TNMT ngày 30/5/2022 của Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường về việc giải quyết khiếu nại của ông và hủy Công văn số 117/TNMT ngày 17/3/2022 của Phòng Tài nguyên Môi trường thị xã Đ.

Tại các văn bản có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của ông Nguyễn Thanh V2 - Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện tại phiên tòa:

Đối với yêu cầu hủy Công văn số 117/TNMT ngày 17/3/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ:

Ông Lê Văn V đã có Đơn ghi ngày 02/12/2021, nội dung Đơn xin giải quyết đất đai của ông như sau: Sau giải phóng ông về quê hương sinh sống và làm ăn trên mảnh đất ông, cha để lại. Đến năm 1980, có chủ trương trên mở đường giao thông nông thôn nên tôi tự nguyện hiến đất vườn ở để cho con đường được cắt ngang qua, từ đó mảnh vườn của tôi chia thành hai mảnh: mảnh lớn là nhà tôi đang ở, còn mảnh nhỏ 100m² tôi trồng cây lâu năm, đến năm 2009 tôi làm nhà để thờ phụng các Liệt sỹ, rồi từ đó đến nay mảnh đất 100m² tách ra vẫn chưa đưa vào sổ đỏ. Ông đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông phần diện tích đất này.

Trên cơ sở nội dung đơn của ông Lê Văn V; hồ sơ giải quyết Đơn và hồ sơ địa chính do UBND xã Đ cung cấp ngày 14/3/2022 và quy định của pháp luật, Phòng T trả lời nội dung đề nghị của tại Công văn số 117/TNMT ngày 17/3/2022 của Phòng T, cụ thể:

- Hồ sơ thửa đất ông Lê Văn V đề nghị cấp giấy chứng nhận:

Theo hồ sơ địa chính được lập theo chỉ thị 299/TTg thửa đất diện tích khoảng 100m² ông Lê Văn V xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là một phần thửa đất 197, diện tích 600m², loại đất màu do HTX N quản lý.

Theo hồ sơ địa chính được lập theo Nghị định 64/CP của Chính phủ thừa đất diện tích khoảng 100m² ông Lê Văn V xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất 1004, diện tích 100m², loại đất Rừng trồng, chủ sử dụng đất là UBND xã Đ quản lý thuộc nhóm đất công ích có đăng ký vào sổ địa chính.

- Hồ sơ kê khai đăng ký quản lý sử dụng đất của hộ ông Lê Văn V:

Theo hồ sơ địa chính được lập theo chỉ thị 299/TTg ông Lê Văn V (Lê Hồng V3) đăng ký thửa đất số 200, tờ bản đồ số 04, diện tích 806m², loại đất T (Thổ cư).

Theo hồ sơ địa chính được lập theo Nghị định 64/CP của Chính phủ hộ ông Lê Văn V đăng ký thửa đất số 102, tờ bản đồ số 14, diện tích 932m², loại đất T (Thổ cư).

Ngoài ra, qua đối soát bản đồ được đo vẽ theo Chỉ thị 299 và Nghị định 64/CP thì thửa đất 197 theo hồ sơ 299 và thửa đất 1004 theo hồ sơ 64/CP là trùng khớp; thửa đất 200 theo hồ sơ 299 và thửa đất 102 theo hồ sơ 64/CP là trùng khớp và có 1 mặt tiếp giáp với đường giao thông hiện trạng.

Từ các căn cứ trên và quy định tại Khoản 2, Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai việc ông Lê Văn V đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở giải quyết.

Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ đã ban hành Công văn số 117/TNMT ngày 17/3/2022 là đúng theo quy định, vì vậy không thống nhất yêu cầu của ông Lê Văn V về hủy Công văn số 117/TNMT ngày 17/3/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 07/QĐ-TNMT ngày 30/5/2022 của Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường thị xã Đ.

Qua xem xét nội dung khiếu nại của ông Lê Văn V, Phòng Tài nguyên Môi trường thị xã Đ đã ban hành Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 về việc xác minh nội dung khiếu nại. Trên cơ sở kết quả xác minh khiếu nại và kết quả đối thoại với ông Lê Văn V, căn cứ khoản 2 điều 19, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì việc ông Lê Văn V đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1004, tờ bản đồ số 14 theo hồ sơ 64/CP (*thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 03 theo hồ sơ Chỉ thị 299/TTg*) là không có cơ sở giải quyết. Vì vậy Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-TNMT ngày 30/5/2022 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn V, trú tại thôn G, xã Đ, thị xã Đ (lần đầu), không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Lê Văn V, trú tại thôn G, xã Đ. Đồng thời giữ nguyên nội dung Công văn số 117/TNMT ngày 17/3/2022 của phòng T về việc trả lời đơn ông Lê Văn V, trú tại thôn G, xã Đ. Việc Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 07/QĐ-TNMT ngày 30/5/2022 là đúng theo quy định của pháp luật.

Do đó, Phòng T không thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 01-12-2022 của Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn đã quyết định:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V về việc yêu cầu hủy Công văn số 117/TNMT ngày 17/3/2022 của Phòng Tài nguyên Môi trường thị xã Đ và hủy Quyết định số 07/QĐ-TNMT ngày 30/5/2022 của Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường thị xã Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/12/2022 người khởi kiện ông Lê Văn V kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên. Tại đơn kháng cáo và tại phiên toà phúc thẩm hôm nay người khởi kiện ông Lê Văn V không rút đơn kháng cáo, đơn khởi kiện và giữ yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính bác kháng cáo của ông Lê Văn V, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên của Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến trình bày của các bên đương sự và tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/12/2022, Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn nhận được đơn kháng cáo của ông Lê Văn V với nội dung: kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 01-12-2022 của Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn. Như vậy, kháng cáo của ông Lê Văn V là trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng Hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 17/3/2022 Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ ban hành Công văn số 117/TNMT, ngày 30/5/2022 Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường thị xã Đ ban hành Quyết định số 07/QĐ-TNMT. Không đồng ý với Công văn số 117/TNMT và Quyết định số 07/QĐ-TNMT, ông Lê Văn V yêu cầu Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn huỷ các quyết định nêu trên. Như vậy, các quyết định hành chính nêu trên được ban hành trong quá trình quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 23, Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính.

[1.3] Tại phiên toà, vắng mặt người bị kiện. Tuy nhiên, người bị kiện đã có đơn xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại Điều 158 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Văn V thì thấy:

[2.1] Xét nguồn gốc đất thửa đất số 1004, tờ bản đồ số 14:

[2.1.1] Theo hồ sơ kê khai qua các thời kỳ do Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ và Chi nhánh Văn phòng Đ cung cấp thể hiện: Chỉ thị 299/CT-TTg thì: Thửa đất số 1004, tờ bản đồ số 14 trước đây là thửa 197, tờ bản đồ số 3, diện tích 600m² loại đất màu do HTX N quản lý. Hồ sơ đo đạc theo Nghị định 64/NĐ-CP thì: Thửa đất số 1004, tờ bản đồ số 14 là đất Rừng trồng, chủ sử dụng đất là UBND xã Đ quản lý thuộc nhóm đất công ích có đăng ký vào sổ địa chính.

[2.1.2] Theo ông V, nguồn gốc thửa đất 1004, tờ bản đồ số 14, được tách ra từ thửa đất trước đây được gia đình ông V sử dụng. Tuy nhiên, ông V không có đăng ký, kê khai theo Chỉ thị 299/TTg và Nghị định 64/CP, không nộp thuế đối với thửa đất số 1004, tờ bản đồ số 14, diện tích 100m².

[2.1.3] Qua xem xét hồ sơ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của người khởi kiện thấy rằng: Gia đình ông V kê khai, đăng ký và sử dụng thửa đất số 102, tờ bản đồ 14, diện tích 932m² nhằm mục đích làm nhà ở và đã được UBND huyện Đ (nay là thị xã) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 076564 ngày 25/11/2003 cho hộ Lê Văn V và Lê Thị P nhưng ông V không đăng ký, kê khai, nộp thuế đối với thửa đất 1004, tờ bản đồ số 14.

Như vậy, căn cứ vào hồ sơ theo Chỉ thị 299/TTg và Hồ sơ đo đạc theo Nghị định 64/NĐ-CP không có căn cứ để xác định thửa đất 1004, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 102, tờ bản đồ 14, diện tích 932m² là cùng một thửa. Hơn nữa, căn cứ vào hồ sơ hồ sơ theo Chỉ thị 299/TTg hộ ông V chỉ đăng ký 806m² loại đất T so với hồ sơ theo Nghị định 64/CP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất hộ ông V được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chênh lệch tăng (932m² – 806m²) = 126m². Như vậy, diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông V sử dụng biến động tăng so với hồ sơ kê khai ban đầu theo Chỉ thị 299/TTg. Diện tích đất sử dụng của hộ ông V không thiếu nên không có căn cứ xác định diện tích 100m², thửa đất số 1004, tờ bản đồ số 14, diện tích 100m² với diện tích 932m², thửa đất số 102, tờ bản đồ 14 trước đây cùng một thửa.

[2.2] Thực tế sử dụng đất:

Theo Biên bản xem xét thẩm định ngày 31/10/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, trên thửa đất 1004, tờ bản đồ số 14 có: 01 chái có kết cấu tường xây gạch cũ, phía trên đoạn tường xây được đóng tôn bao quanh, phần mái được làm bằng tôn xà gồ sắt, mái tôn, nền xi măng. Bên trong chái có đặt tủ gỗ, phía trên đặt Bảng Tổ quốc ghi công Liệt sỹ Lê Văn M và truy tặng Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng bà Phạm Thị M1; 01 giường ngủ, 01 bếp ga, 01 nồi cơm điện. Phía ngoài chái có một số cây chuối, ngoài ra không còn tài sản nào khác. Theo ông V, chái được ông xây dựng năm 2009.

Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh ngày 31/10/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn đối với ông Lê Quốc T – Trưởng thôn Giáo Ái, ông T cung cấp: Trước ngày 28/10/2022 trên thửa đất chỉ có mái chái, hàng rào và một số cây chuối, đến ngày 29/10/2022 ông V mới đặt tủ gỗ trong chái.

Từ những biên bản thẩm định và biên bản xác minh trên xác định ông V không sử dụng ổn định, liên lục thửa đất 1004, tờ bản đồ số 14 vào mục đích nhà ở, ông đã có nhà ở tại thửa đất số 102, tờ bản đồ 14.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn V không cung cấp được các giấy tờ theo quy định của Điều 100 Luật đất đai và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP. Phần đất ông V đề nghị cấp Giấy chứng nhận đã giao cho UBND xã Đ quản lý theo hồ sơ Nghị định 64/CP nên yêu cầu của ông V là không có cơ sở.

[3] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, ông Lê Văn V không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự và với những nội dung đã phân tích ở mục [2] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 01-12-2022 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn bác kháng cáo của ông Lê Văn V là có

căn cứ. Do đó, bác đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Văn V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính, bác kháng cáo của ông Lê Văn V, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 01-12-2022 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn

2. Căn cứ Điều 18, 19; Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 100; khoản 1, 2 Điều 103 Luật đất đai 2013; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V về việc yêu cầu hủy Công văn số 117/TNMT ngày 17/3/2022 của Phòng Tài nguyên Môi trường thị xã Đ và hủy Quyết định số 07/QĐ-TNMT ngày 30/5/2022 của Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường thị xã Đ.

3. Về án phí:

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Văn V phải chịu 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001504 ngày 15/12/2022 của Chi Cục Thi hành án thị xã Điện Bàn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (09/3/2023.)

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Quảng Nam;
- TAND thị xã Điện Bàn;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Cục THADS thị xã Điện Bàn
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Quốc Thiện